TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 807/2019/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố B, ngày 23tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 993/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 15/5/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông **Nguyễn Hùng C**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 262, hẻm 6, tổ 39C, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 85, đường Phi Trường, tổ 39C, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hùng C và bà Lê Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Dĩnh, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/1991 nên căn cứ Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Nguyễn Hùng C và bà Lê Thị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông C và bà H có 02 con chung là chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 12/9/1993 và anh Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 20/5/1996. Hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông C và bà H không yêu cầu Tòa án xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Hùng C và bà Lê Thị H mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000đ ông C, bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008022 ngày 15/5/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1968 và bà Lê Thị H, sinh năm 1973 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ông C và bà H có 02 con chung là chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 12/9/1993 và anh Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 20/5/1996. Hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Cường và bà Hường không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Nguyễn Hùng C và bà Lê Thị H mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông C, bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008022 ngày 15/5/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào